

## **ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên ngành: **Kinh tế**
- Mã số: **52310101**
- Tên cơ sở đào tạo: **Đại học Kinh tế Nghệ An**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

### **PHẦN 1**

## **SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An có trụ sở chính tại phường Hà Huy Tập, cơ sở 2 tại xã Nghi Kim thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, là Trung tâm kinh tế - văn hóa của vùng Bắc Trung Bộ, là thành phố đã được quy hoạch đồng bộ và đang trên đà phát triển. Vùng Bắc Trung bộ gồm 6 tỉnh: Thanh hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Nơi đây tập trung nhiều khu kinh tế lớn như: Khu kinh tế Nghi Sơn, Vũng Áng, khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Khu công nghiệp Hoàng Mai, Khu công nghiệp Đông Hội, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy làm trung điểm hợp tác kinh tế với Lào và Thái Lan.

Hơn nữa, trong những năm qua các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Nghệ An có tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 1,5 đến 2 lần so với trước khi chưa có Luật doanh nghiệp. Trong 8 năm (1991 - 1999) chỉ có 328 doanh nghiệp đăng kí thành lập. Đầu năm 2000 Luật Doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực thì trong 5 năm (2000 - 2005) có tới 2788 doanh nghiệp thành lập mới. Đến nay, trong toàn tỉnh có trên 3.000 Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong đó trên 96% các doanh nghiệp đang hoạt động. Tiềm năng kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ và Nghệ An là như vậy, nhưng đây là vùng đất còn nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là chất lượng nguồn nhân lực. Ngay từ đầu năm 2007, những tín hiệu khả quan về tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ đầu tư trong và ngoài nước, hàng loạt doanh nghiệp mới ra đời và mở rộng quy mô sản xuất đã tạo ra “con sốt” thiếu hụt nguồn lao động. Trong tình hình hội nhập, có nhiều biến động và chuyển động mạnh mẽ, công tác quản lý, đánh giá, hoạch định chính sách kinh tế ở các bộ, ngành, các tổ chức, tập đoàn kinh tế hiện nay luôn đòi hỏi phải đánh giá một cách đúng đắn, chính xác; điều này đồng nghĩa với việc các bộ, ngành... rất cần những chuyên gia kinh tế có trình độ, nắm vững những kiến thức cơ bản, hiện đại về kinh tế, có năng lực phân tích, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên môn về kinh tế trên giác

độ lý luận cũng như thực tiễn. Nhìn trên diện rộng, mọi xã hội đều có nhu cầu rất cao đối với cán bộ ngành kinh tế. Trong hội nghị APEC vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã có dịp gặp gỡ với các nhà đầu tư nước ngoài, theo đó nguồn nhân lực của Việt Nam được đánh giá là thiếu hụt trầm trọng cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài. Vì thế, nếu không giải quyết tốt, sự thiếu hụt đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung và tiến độ đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Để khắc phục sự hụt hẫng nguồn nhân lực, đã có không ít doanh nghiệp buộc phải thuê chuyên gia kinh tế nước ngoài có trình độ cao và thích nghi môi trường cạnh tranh cao.

Ở các nước có nền kinh tế thị trường, một số ngành lớn trong lĩnh vực kinh tế đào tạo cán bộ cho xã hội là ngành kinh tế; quản trị kinh doanh; Tài chính- ngân hàng; kế toán kiểm toán. Các cử nhân của ngành kinh tế đều được cho là có nhu cầu lớn bởi các cơ quan hoạch định chính sách và phân tích kinh tế. Họ thường được tuyển dụng vào các cơ quan của Chính phủ, các Bộ, các địa phương và các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế như: tài chính, ngân hàng... và tương đương. Chương trình đào tạo ngành kinh tế bao gồm rất nhiều lĩnh vực như kinh tế quốc tế, kinh tế môi trường, tài chính, kế toán, kinh tế nguồn nhân lực, kinh tế công cộng, kinh tế phát triển, kinh tế đầu tư, kinh tế các ngành,... Các học viên tốt nghiệp ngành kinh tế sẽ rất quan tâm đến việc ứng dụng nó trong một lĩnh vực cụ thể nào đó. Những học viên đó có thể sử dụng những kiến thức về mối quan hệ kinh tế để tư vấn cho các DN cũng như các tổ chức khác, bao gồm các công ty bảo hiểm, ngân hàng, các công ty chứng khoán, các công ty tư vấn quản lý, các công ty nghiên cứu, các hiệp hội thương mại và công nghiệp hay các cơ quan của chính phủ,...

Với mục tiêu, đề án nâng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An thành trường Đại học Kinh tế Nghệ An đã được phê duyệt theo Quyết định số 205/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, căn cứ vào dự kiến qui mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo trong giai đoạn 2014-2018, nhà trường sẽ tổ chức đào tạo trình độ đại học ở 04 chuyên ngành kinh tế: Kế toán - Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Tài chính – Ngân hàng. Đây là những chuyên ngành nhà trường đang đào tạo ở bậc Cao đẳng hệ chính quy và đã nhiều năm liên kết với trường Đại học Tài chính Hà Nội (nay là Học viện Tài chính), trường Đại học Thương mại và Đại học Huế đào tạo ở trình độ đại học đã đáp ứng đội ngũ nguồn nhân lực cho Nghệ An và các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ như: Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế,... và nước bạn Lào. Trường không ngừng phát triển cả về cơ cấu ngành nghề, quy mô và chất lượng đào tạo, trở thành địa chỉ tin cậy về đào tạo cán bộ quản lý kinh tế -

tài chính cho Nghệ An và các tỉnh Bắc Miền trung. Như vậy, với 4 chuyên ngành này nhà trường đã và sẽ có đủ chương trình, giáo trình và kinh nghiệm giảng dạy ở bậc đại học.

Theo số liệu thống kê, cả nước có gần 400 trường đại học và cao đẳng trong đó có rất nhiều trường có đào tạo chuyên ngành liên quan đến kinh tế. Đại học kinh tế Nghệ An là một trường đại học mới nhưng đã có bề dày gần 60 năm đào tạo hàng ngàn cán bộ kinh tế ở hệ trung học và cao đẳng, vì thế khi được nâng cấp lên đại học, tận dụng và phát huy thế mạnh của mình với mục tiêu là đào tạo các cử nhân kinh tế phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược kinh tế phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, việc mở ngành đào tạo này là hết sức cần thiết.

## PHẦN 2

### NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### 1. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý

Tính đến 01/03/2014 tổng số cán bộ, giảng viên, công nhân viên là 208 người, trong đó số cán bộ giảng dạy là 161 người, cán bộ quản lý và phục vụ là 47 người. Trình độ Đại học 46,0%, Thạc sỹ 49,7%, Tiến sỹ 4,3%. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường đủ khả năng đảm nhận 100% khối lượng của chương trình đào tạo.

#### 2. Đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn học/học phần của ngành kinh tế

Đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn học/học phần của ngành kinh tế bao gồm 48 giảng viên và 1 giảng viên chính, trong đó trình độ Đại học 11 người (chiếm 22%); Thạc sỹ 37 người (chiếm 76%) và tiến sỹ 1 người (chiếm 2%). Đội ngũ giảng viên đủ điều kiện để mở ngành đào tạo Kinh tế theo quy định tại Thông tư 08/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Chi tiết tại bảng 1*)

**Bảng 1: Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/học phần ngành Kinh tế**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh KH	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
1	Hoàng Nam Hưng_1981		Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Lịch sử	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
2	Trần Thị Bình_1977		Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Triết học	Lịch sử học thuyết kinh tế
3	Nguyễn Quốc Sơn_1978		Thạc sỹ, 2010, Việt Nam	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Nguyễn Thị Kim Dung_1979		Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	LL và PPDH GD chính trị	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II
5	Nguyễn Thị Lam_1985		Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I
6	Nguyễn Thị Bích Thủy_1965 Trưởng khoa cơ sở cơ bản		Thạc sỹ, 2014, Việt Nam	Tiếng Anh	Tiếng anh 1
7	Nguy Văn Thùy_1976 Phó bộ môn Tiếng Anh		Thạc sỹ, 2010, Việt Nam	Tiếng Anh	Tiếng anh 2

8	Nguyễn Thị Hoài Ly_1983		Thạc sỹ, 2010, Việt Nam	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3
9	Nguyễn Thị Hà_1980 Trưởng bộ môn toán		Thạc sỹ, 2005 Việt Nam	Toán	Toán cao cấp
10	Bùi Thị Thanh_1980		Thạc sỹ, 2005 Việt Nam	Xác suất TK-toán	Lý thuyết xác suất và thống kê
11	Châu Thị Loan_1980		Thạc sỹ, 2006 Việt Nam	Toán	Toán kinh tế
12	Trần Thị vân Diên_1980		Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Hành chính công	Văn bản trong quản lý
13	Đào Nha Trang_1982 Phó bộ môn Tin học		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Công nghệ Thông tin	Tin học đại cương
14	Trần Thị Thu Hà_1977 Phó bộ môn Luật		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Luật kinh tế - Quốc tế	Pháp luật đại cương
15	Phan Thanh Bình_1979 Trưởng bộ môn Luật		Thạc sỹ, 2008 Việt Nam	Luật kinh tế	Luật kinh tế
16	Nguyễn Thị Hải Hậu_1979 Phó bộ môn Thể dục		Thạc sỹ, 2006 Việt Nam	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
17	Hồ chí Quý_1987		Cử nhân, 2010 Việt Nam	Thể chất – GDQP	Giáo dục quốc phòng
18	Nguyễn Thanh Mai, 1960		Tiến sỹ, 2001 Việt Nam	Kinh tế	Phương pháp nghiên cứu kinh tế
19	Nguyễn Thị Ngọc Dung_1959 Trưởng khoa Quản trị KD		Thạc sỹ, 2005 Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế vi mô 1
20	Đặng Thị Thảo_1980 Phó khoa Quản trị KD		Thạc sỹ, 2012 Việt Nam (NCS)	Quản trị K.Doanh	Quản trị học đại cương
21	Lê Thị Xuân_1977 Trưởng bộ môn Kinh tế		Thạc sỹ, 2006 Việt Nam	Kinh tế	Phân tích chính sách kinh tế xã hội
22	Nguyễn Lan Anh_1983 Phó bộ môn Quản trị KD		Thạc sỹ, 2009 Việt Nam (NCS)	Quản trị K.Doanh	Văn hoá kinh doanh
23	Hồ Thị Hiền_1981 Phó bộ môn Kinh tế		Thạc sỹ, 2012 Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế đầu tư
24	Hồ Hoàng Lương_1983		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	Kinh tế quốc tế

25	Lê Thị Hồng Ngọc_1981		Thạc sỹ, 2009 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	Marketing căn bản
26	Lê Thị Trang_1987		Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	Quản trị Doanh nghiệp
27	Nguyễn Xuân Thọ_1979		Thạc sỹ, 2012 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế
28	Trần Thị Thanh Hương 1984		Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế học và những vấn đề xã hội
29	Bành Thị Vũ Hằng_1985		Cử nhân, 2008, Việt Nam	Kinh tế	Phân tích lợi ích chi phí
30	Trịnh Thị Lê_1988		Cử nhân, 2011, Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế phát triển
31	Lê Thị Ngọc Mai_1985		Cử nhân, 2008, Việt Nam	Quản trị K.Doanh	Kinh tế nguồn nhân lực
32	Nguyễn Thị Lan Anh_1989		Cử nhân, 2011, Việt Nam	Quản trị K.Doanh	Kinh tế vĩ mô 1
33	Dương Tiến Dũng_1989		Cử nhân, 2011, Việt Nam	Quản trị K.Doanh	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu
34	Trần Thị Mai_1987		Cử nhân, 2010, Việt Nam	Quản trị K.Doanh	Nghiệp vụ kinh doanh NXN khẩu
35	Nguyễn Thị Thùy Linh_1989		Cử nhân, 2011, Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế quản lý
36	Nguyễn Thị Hồng Ngọc_1988		Cử nhân, 2010, Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế vi mô 2
37	Nguyễn Thanh Tâm_1989		Cử nhân, 2011, Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế vĩ mô 2
38	Lê Thị Mỹ Tâm_1986		Cử nhân, 2008, Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế môi trường
39	Hoàng Thị Thúy Hằng_1984		Thạc sỹ, 2010 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	Kinh tế Công cộng
40	Ngô Văn Chung_1983		Thạc sỹ, Việt Nam (chuẩn bị BV Tiến sỹ)	Quản trị K.Doanh	Kinh tế lượng
42	Nguyễn Văn Điệp_1987		Thạc sỹ, 2009 Việt Nam	Kinh tế	Nguyên lý thống kê kinh tế
43	Hoàng Thị Hiền_1981		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Kinh tế	Nguyên lý kế toán
44	Trần Cẩm Vân_1983		Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Kế toán	Kế toán tài chính

45	Đoàn Thị Thành Vinh_1983		Thạc sỹ, 2009 Việt Nam	T.Chính – N.Hàng	Thuế
46	Phạm Thị Mai Hương_1979 Phó khoa T.Chính – N.Hàng		Thạc sỹ, 2008 Việt Nam	Tài chính	Lý thuyết tài chính tiền tệ
47	Đinh Thị Thúy Hằng_1983 Trưởng bộ môn Tài chính		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Kinh Tế	Thị trường chứng khoán
48	Hoàng Thi Huyền_1984		Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Kinh tế	Tài chính Doanh nghiệp
49	Lê Thị Thùy Dung_1986		Thạc sỹ, 2012 Việt Nam	Kinh tế	Thẩm định dự án đầu tư

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

**Giám đốc**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An**

**Hiệu trưởng**

### **3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo**

#### **3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

Diện tích đất hiện có đang sử dụng là 5,765 ha, ngoài ra còn 18 ha đang giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng cơ sở 2. Với diện tích đất đang sử dụng, nhà trường đã xây dựng 24626 m<sup>2</sup> sàn làm việc và học tập, trong đó có 45 phòng giảng đường, 6 phòng học thực hành tin học - kế toán máy, 2 phòng học LAB, 2 phòng thí nghiệm khối nông lâm, 2 hội trường và 1 thư viện hiện đại. Đến đầu năm học 2014-2015 sẽ khánh thành đưa vào sử dụng nhà 7 tầng với 35 phòng học thiết kế theo tiêu chuẩn hiện đại. (Chi tiết tại bảng 2)

**Bảng 2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

TT	Loại phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	
1	Giảng đường, phòng học			Projector	30	Học tiếng nước ngoài	
				Loa, âm li	10		
2	Phòng LAB học tiếng nước ngoài			Cabin nghe	60		
				Máy vi tính kết nối mạng LAN	60		
				Headphone	60		
				Đầu DVD	2		
				Đài cassette	6		
3	Phòng thực hành máy tính	6	640	Máy vi tính kết nối mạng LAN	180		Thực hành tin học, kế toán máy, tin học ứng dụng cho các ngành

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

**Giám đốc**  
Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An

**Hiệu trưởng**

### **3.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo**

**+ Thư viện**

- Tổng số diện tích thư viện: 403,5m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc: 200 m<sup>2</sup>
- Số chỗ ngồi: 100
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 50 cái
- Phần mềm quản lý thư viện: 1



- Thư viện điện tử: có thư viện điện tử phục vụ tra cứu từ xa và đọc tài liệu nội bộ của trường, thư viện chưa được kết nối với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Số lượng đầu sách, tài liệu: 2.610 đầu sách với 21.500 bản sách

- Báo và tạp chí: 62

Nhà trường đang sử dụng các tài liệu khoa học của các trường đại học trên cơ sở mục tiêu đào tạo các ngành và chuyên ngành đang tổ chức đào tạo để biên soạn giáo trình, đề cương bài giảng đảm bảo đủ nội dung, tính khoa học, tính sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới và cập nhật kịp thời các chính sách, chế độ, luật pháp về quản lý kinh tế, tài chính, kinh doanh, tiền tệ, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với sự phát triển của xã hội.

+ **Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo** (*Chi tiết tại bảng 3*)

**Bảng 3: Danh mục giáo trình của ngành đào tạo**

<b>T T</b>	<b>Tên giáo trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>	<b>Số bản</b>	<b>Sử dụng cho môn học/học phần</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	Bộ Giáo dục và Đào tạo (chỉ đạo biên soạn)	Chính trị quốc gia	2010	200	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	Bộ Giáo dục và Đào tạo (chỉ đạo biên soạn)	Chính trị quốc gia	2010	200	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo (chỉ đạo biên soạn)	Chính trị quốc gia	2011	200	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Chính trị quốc gia	2011	200	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
5	Tiếng Anh 1	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2006	200	Anh văn 3
6	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2006	200	Anh văn 3

7	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2006	200	Anh văn 3
8	GT Tin học Đại cương	PGS TS Hàn Việt Thuận	ĐH Kinh tế QĐ	2010	200	Tin học đại cương
9	GT Luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Pháp luật Đại cương
10	Kỹ thuật Soạn thảo văn bản Kinh tế và QTDN	Lương Văn Úc	ĐH Kinh tế QĐ	2013	200	Văn bản trong quản lý
11	Toán cao cấp	Lê Đình Thúy (CB)	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Toán cao cấp
12	Xác suất và thống kê	PGS.TS Nguyễn Cao Văn (CB)	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Lý thuyết XS và Thống kê
13	BG Môn GDTC				200	Giáo dục thể chất
14	GT Giáo dục QP (Tập 1, 2)	Đào Duy Hiệp (CB)	NXB Giáo dục	2008	200	Giáo dục quốc phòng
15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	GS.TS Mai Ngọc Cường	Lý luận chính trị Hà Nội	2005	200	Lịch sử các học thuyết kinh tế
16	Kinh tế vi mô I	PGS.TS Nguyễn Văn Dần	Tài chính, Hà Nội	2011	200	Kinh tế vi mô I
17	Kinh tế vĩ mô I	PGS.TS Nguyễn Văn Dần	Tài chính, Hà Nội	2010	200	Kinh tế vĩ mô I
18	Toán kinh tế	Trần Xuân Sinh	ĐH QG Hà Nội	2007	200	Toán kinh tế
19	Quản trị học	Trần Anh Tài	ĐH QG Hà Nội	2013	200	Quản trị học
20	Nguyên lý thống kê kinh tế	PGS.TS Trần Thị Kim Thu	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Nguyên lý thống kê kinh tế
21	Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	ĐH Kinh tế QĐ	2013	200	Marketing căn bản
22	GT Tài chính - Tiền tệ	Phạm Ngọc Dũng; Đinh Xuân Hạng	NXBTC	2011	200	GT Tài chính - Tiền tệ
23	Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu		2013	200	Văn hóa kinh doanh
24	GT Luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	ĐH Kinh tế QĐ	2013	200	Luật kinh tế
25	Kinh tế vi mô II	PGS.TS. Cao Thúy Xiêm (Chủ biên)	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Kinh tế vi mô II

26	Kinh tế vĩ mô II	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân	Tài chính, Hà Nội	2012	200	Kinh tế vĩ mô II
27	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Nguyễn Thị Cành	ĐH KT Hồ Chí Minh	2004	200	Phương pháp nghiên cứu kinh tế
28	Kinh tế phát triển	PGS.TS Phạm Ngọc Linh	ĐH Kinh tế QĐ	2005	200	Kinh tế phát triển
29	Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Đông, Nguyễn Thị Minh	ĐH Kinh tế QĐ	2011	200	Kinh tế lượng
30	Nghiệp vụ kinh doanh XN khẩu	TS Trần Văn Hòe	ĐH Kinh tế QĐ	2009	200	Nghiệp vụ kinh doanh XN khẩu
31	Nguyên lý kế toán	Dương Xuân Thao Ngô Thị Thanh Hoàn	ĐH Kinh tế QĐ	2014	200	Nguyên lý kế toán
32	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	(Giáo trình nội bộ)	ĐH QG Hà Nội	2008	200	Phân tích chính sách kinh tế xã hội
33	Phân tích lợi ích chi phí	Trần võ Hùng Sơn (chủ biên)	ĐH KT Hồ Chí Minh	2003	200	Phân tích lợi ích chi phí
34	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Duy Khánh	Tài chính	2014	200	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu
35	Kinh tế quốc tế	GS.TS Đỗ Đức Bình, PGS.TS Nguyễn Thường Lạng	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Kinh tế quốc tế
36	Kinh tế học và những vấn đề xã hội	Ansel M.Sharp Charles A.Register Paulw Grimes	Lao động, Hà Nội	2005	200	Kinh tế học và những vấn đề xã hội
37	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên	ĐH Quốc gia Hà Nội	2010	200	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế
38	Quản trị doanh nghiệp	PGS.TS. Ngô Kim Thanh	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Quản trị doanh nghiệp
39	Thuế	Nguyễn Thị Liên; Nguyễn Văn Hiệu	Tài chính	2009	200	Thuế
37	Kế toán tài chính 1	Dương Xuân Thao Ngô Thị Thanh Hoàn Trần Cẩm Vân Hoàng Thị Hiền	ĐH Kinh tế QĐ	2014	200	Kế toán tài chính
38	Kế toán tài chính 2					
39	Kế toán tài chính 3					
40	Thực tập giáo trình KTTC					

41	Thẩm định dự án đầu tư	Lưu Thị Hương	NXBTC	2012	200	Thẩm định Tài chính dự án đầu tư
42	Kinh tế môi trường	PGS.TS Hoàng Xuân Cơ	Viện ĐH Mở Hà Nội	2010	200	Kinh tế môi trường
43	Kinh tế học công cộng	Bộ môn Kinh tế công cộng	ĐH Kinh tế QĐ	2005	200	Kinh tế học công cộng
44	Kinh tế quản lý	TS. Vũ Kim Dũng; PGS.TS Cao Thúy Xiêm	ĐH Kinh tế QĐ	2010	200	Kinh tế quản lý
45	Kinh tế nguồn nhân lực	PGS.TS Trần Xuân Cầu PGS.TS Mai Quốc Chánh	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Kinh tế nguồn nhân lực
46	Kinh tế đầu tư	PGS.TS. Từ Quang Phương PGS.TS. Phạm Văn Hùng	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Kinh tế đầu tư
47	Thị trường chứng khoán	Trần Văn Khâm	Thống kê	2010	200	Thị trường chứng khoán
48	Tài chính doanh nghiệp	Lưu Thị Hương	ĐH Kinh tế QĐ	2008	200	Tài chính doanh nghiệp
49	Kinh tế các ngành sản xuất	Học viện Tài chính	Tài chính	2004	200	Kinh tế các ngành sản xuất

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

**Giám đốc**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An**

**Hiệu trưởng**

**+ Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo**

(Chi tiết tại bảng 4)

**Bảng 4: Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo**

<b>T T</b>	<b>Tên giáo trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Số bản</b>	<b>Sử dụng cho môn học/ học phần</b>
1	Lý thuyết hạch toán kế toán	PGS.TS Nguyễn Thị Đông	Tài chính, 2007	1	Nguyên lý kế toán
2	Chế độ kế toán doanh nghiệp Ban hành theo Quyết định số 15/006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006	Bộ Tài chính	Tài chính, 2006	1	Kế toán tài chính
3	Kế toán Tài chính	GS.TS.NGND Ngô Thế Chi PGS.TS Trương Thị Thủy	Tài chính, 2013	5	Kế toán tài chính
4	Kế toán quản trị	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang	ĐH Kinh Tế QĐ, 2012	1	Kế toán quản trị
5	Tổ chức quá trình Kiểm toán Báo cáo tài chính	PGS.TS Thịnh Văn Vinh PGS.TS Giang Thị Xuyên	Tài chính, 2012	5	Kiểm toán
6	Thuế (Dùng cho không chuyên ngành)	Nguyễn Thị Liên; Nguyễn Văn Hiệu	Tài chính, 2009	1	Thuế Nhà nước
7	GT Lý thuyết Thuế	Đỗ Đức Minh; Nguyễn Việt Cường	Tài chính, 2010	1	Thuế Nhà nước
8	Thị trường chứng khoán và Đầu tư chứng khoán	Trần Văn Khâm	Thống kê, 2010	1	Thị trường chứng khoán
9	Kinh tế và Tài chính công	Vũ Cương	Thống kê, 2002	1	Tài chính công
10	Ngân hàng Thương mại		Tài chính, 2010	1	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại
11	Kinh tế học vĩ mô	Học viện tài chính	Tài chính, 2007	1	Kinh tế học vĩ mô I, II
12	Bài giảng Kinh tế vĩ mô	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Lưu hành nội bộ	1	Kinh tế học vĩ mô I, II

13	Bài tập và trắc nghiệm kinh tế học vi mô	Học viện tài chính	Tài chính, Hà Nội, 2007	1	Kinh tế học vi mô I, II
14	Bài tập kinh tế học vi mô	Học viện tài chính	Học viện Tài chính, Hà Nội, 2007	1	Kinh tế học vi mô I, II
15	Bài giảng Kinh tế vi mô	Trường Đại học Tài chính - Kế toán.	ĐH Tài chính – Kế toán	1	Kinh tế học vi mô I, II
16	GT Kinh tế học vi mô		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	Kinh tế học vi mô I, II
17	Kinh tế học vi mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân	Tài chính, Hà Nội, 2007	1	Kinh tế học vi mô I, II
18	Kinh tế công cộng	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Thống kê, 2005	1	Kinh tế công cộng
19	Tài Chính Công	PGS-TS Sử Đình Thành TS Bùi Thị Mai Hoài	Lao động xã hội – 2009	1	Kinh tế công cộng
20	Tài Chính Công	GS-TS Nguyễn Thị Cảnh	Đại học Quốc Gia TPHCM, 2008	1	Kinh tế công cộng
21	Giáo trình Marketing căn bản		Buru điện	1	Marketing
22	Marketing căn bản	Philip Kotler	Thống kê	1	Marketing
23	Giáo trình nghiên cứu Marketing	Trường ĐH kinh tế quốc dân	ĐH Kinh Tế QĐ	1	Marketing
24	Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Đại học Kinh tế Quốc Dân	ĐH KT QĐ	1	Văn hoá doanh nghiệp
25	Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp		Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý	1	Văn hoá doanh nghiệp
26	Quản trị học	PGS,TS Đoàn Thị Thu Hà, PGS, TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền	NXB Tài chính, 2011	1	Quản trị học
26	Quản trị học	Nguyễn Hải Sản	NXB Hồng Đức, Tp. HCM, 2010	1	Quản trị học
28	New English File (Pre-intermediate)	Clive Oxenden and Christina Latham-Koenig	Oxford University Press, 2006	5	Tiếng Anh chuyên ngành

29	New Headway (Pre-intermediate)	John and Liz	Đại học QG Hà Nội, 2003	5	Tiếng Anh chuyên ngành
30	Phân tích và dự báo	PGS.TS Phạm Thị Kim Vân	Tài chính, 2013	5	Phân tích HĐKD
31	Kinh tế nguồn nhân lực		ĐH Kinh tế QĐ, 2012	5	Kinh tế Nguồn nhân lực
32	Chính sách kinh tế		KH và KT Hà Nội, 2010	5	Phân tích chính sách kinh tế xã hội
33	Kinh tế Quốc tế	GS.TS Đỗ Đức Bình PGS.TS Nguyễn Thường Lạng	ĐH Kinh tế QĐ, 2012	5	Kinh tế quốc tế
30	Kinh tế Quốc tế	PGS. TS. Vũ Thị Bạch Tuyết,	Tài chính, Hà Nội, 2010	5	Kinh tế quốc tế
31	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TS Trần Văn Hòe	ĐH Kinh tế QĐ, 2009	1	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
32	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Vũ Hữu Tửu	NXB Giáo dục, 2002	1	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
33	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	ĐH Kinh tế QĐ, 2013	1	Phương pháp nghiên cứu kinh tế

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

**Giám đốc**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An**

**Hiệu trưởng**

#### **4. Hoạt động nghiên cứu khoa học**

Hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên nhà trường tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu các đề tài đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính tại địa phương và các đề tài cấp trường của khoa Quản trị kinh doanh. Từ năm 2000 đến nay, trường đã chủ trì 03 đề tài cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách về kinh tế, tài chính để đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý kế toán xã, để huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển cơ sở hạ tầng, cho phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh Nghệ An.

Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, Hội đồng khoa học đã tiến hành thẩm định nhiều Sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho việc dạy và học. Công tác biên soạn giáo trình, bài giảng liên tục được triển khai, đã thẩm định được hơn 50 đầu sách phục vụ cho việc dạy và học (trong đó Khoa Quản trị kinh doanh đã hoàn thiện được 36 loại giáo trình dùng cho hệ Cao đẳng và Trung cấp).

Từ năm 2009 đến nay, Nhà trường đã xuất bản được 7 Tập san “Thông tin Khoa học Kỹ thuật”, đây là nơi để cho giảng viên công bố các công trình khoa học, trao đổi kinh nghiệm và các thông tin về chuyên môn.

#### **5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học**

Trường đã có quan hệ tốt với các tổ chức nước ngoài trong việc đào tạo phát triển các kỹ năng cho giảng viên và sinh viên, đặc biệt là kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng nghe nói tiếng Anh giáo tiếp do tổ chức WUSC (Tổ chức hỗ trợ Đào tạo Đại học Thế giới Canada), do các chuyên gia và tình nguyện viên của Canada giảng dạy.

Ngoài ra, Trường còn hợp tác với trường Nông nghiệp của Tỉnh Bulikhawmxay (Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào) trong việc đào tạo giúp nước bạn các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau (khoa học cây trồng, chăn nuôi thú y, kế toán, tài chính,...).

Đặc biệt, Nhà trường còn hợp tác với Trung tâm nghiên cứu Sa mạc Ramat Negev của Israel trong việc hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, giúp sinh viên có cơ hội học tập và làm việc tại nước ngoài, các em được nâng cao tay nghề và phát huy được những kiến thức đã được học trong quá trình đào tạo.



**Phần 3**  
**CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

**I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

<b>Tên chương trình:</b>	<b>Cử nhân Kinh tế</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Kinh tế</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>52310101</b>
<b>Loại hình đào tạo:</b>	<b>Chính quy</b>

Vinh, ngày.....tháng 6 năm 2014

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày tháng năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

<b>Tên chương trình:</b>	<b>Cử nhân kinh tế</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Kinh tế</b>
<b>Chuyên ngành:</b>	<b>Kinh tế</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>52310101</b>
<b>Loại hình đào tạo:</b>	<b>Chính quy</b>

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân đại học Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe và có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và nhân văn, có năng lực chuyên môn về kinh tế, có khả năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát, đánh giá các chính sách và quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực, các ngành, các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Kiến thức

- Cử nhân Kinh tế được học và đánh giá, phân tích về hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội và nhân văn;

- Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kinh tế và các lĩnh vực, các ngành kinh tế ứng dụng để phân tích các tình huống kinh tế, các chính sách kinh tế, các dự án kinh tế trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

##### 1.2.2. Kỹ năng

- Đào tạo sinh viên có kỹ năng nghiên cứu độc lập và có tính sáng tạo, kỹ năng tư duy phân tích, phản biện, có kiến thức hiện đại về kinh tế và các lĩnh

vực, các ngành kinh tế ứng dụng, có khả năng vận dụng lý thuyết kinh tế để phân tích các tình huống kinh tế, phân tích các chính sách kinh tế, các dự án kinh tế.

- Có khả năng tham gia các hoạt động tư vấn các vấn đề kinh tế cho các cơ quan Nhà nước các cấp và các doanh nghiệp. Có đủ năng lực, trình độ giải quyết các vấn đề trong thực tế tại đơn vị công tác.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho lĩnh vực kinh tế, phần mềm lập kế hoạch tài chính và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, đàm phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền thông.

### *1.2.3. Thái độ*

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Đồng thời, sinh viên ngành này là người có khả năng tự học, sáng tạo, có định hướng nghề nghiệp tốt.

### *1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp*

Sinh viên tốt nghiệp được cấp nhận bằng Cử nhân Kinh tế (thuộc hệ thống văn bằng quốc gia do Nhà nước quy định). Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc ở nhiều vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các viện, các trung tâm nghiên cứu kinh tế, các cơ quan hoạch định chính sách, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các tổng công ty, các doanh nghiệp và các tổ chức, hoặc làm giảng viên trong các trường đại học cao đẳng khối kinh tế. Ngoài ra sinh viên có cơ hội học tập ở những bậc học cao hơn.

### *1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học*

Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An quy định.

## **2. Thời gian đào tạo**

Tổng thời gian đào tạo 4 năm (Tương đương 208 tuần).

## **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

126 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

*Trong đó:*

- Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	82 tín chỉ
+ Kiến thức cơ sở ngành: 40 tín chỉ	
+ Kiến thức ngành (kể cả kiến thức tự chọn):	33 tín chỉ
+ Kiến thức bổ trợ (kể cả kiến thức tự chọn):	9 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp:	10 tín chỉ

#### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

##### **5.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quy chế đào tạo tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

##### **5.2. Công nhận tốt nghiệp**

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

#### **6. Thang điểm**

- Thực hiện theo điều 22 và điều 23 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Theo thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường.

**7. Nội dung chương trình (theo tín chỉ): 126 tín chỉ**

TT	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ			Ghi chú
			Lý thuyết	Thảo luận, Bài Tập, TH	Tự học	
<b>7.1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>34</b>	<b>300</b>	<b>390</b>	<b>1050</b>	
<b>7.1.1</b>	<b>Lý luận Chính trị</b>	<b>10</b>	<b>75</b>	<b>135</b>	<b>300</b>	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	15	30	60	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	30	30	90	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	30	60	
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	15	45	90	
<b>7.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>	<b>4</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	<b>120</b>	
5	Pháp luật đại cương	2	15	30	60	
6	Soạn thảo văn bản	2	15	30	60	
<b>7.1.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>	<b>11</b>	<b>105</b>	<b>105</b>	<b>330</b>	
7	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
8	Tiếng Anh 2	4	45	30	120	
9	Tiếng Anh chuyên ngành	4	30	45	120	
<b>7.1.4</b>	<b>Toán, tin, khoa học tự nhiên</b>	<b>9</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>300</b>	
10	Tin học đại cương	3	30	30	90	
11	Toán cao cấp	3	30	30	120	
12	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	30	30	90	
<b>7.1.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	<b>9</b>	<b>81</b>	<b>180</b>	
<b>7.1.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng – an ninh</b>	<b>8</b>	<b>105</b>	<b>30</b>	<b>270</b>	
<b>7.2</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>92</b>	<b>1035</b>	<b>1065</b>	<b>2890</b>	
<b>7.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>40</b>	<b>390</b>	<b>420</b>	<b>1230</b>	
13	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	15	30	90	
14	Kinh tế vi mô I	3	30	30	90	
15	Kinh tế vĩ mô I	3	30	30	90	
16	Toán kinh tế	3	30	30	90	
17	Luật kinh tế	2	15	30	60	
18	Lý thuyết thống kê kinh tế	3	30	30	90	
19	Nguyên lý kế toán	3	30	30	90	
20	Quản lý học đại cương	3	30	30	90	

TT	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ			Ghi chú
			Lý thuyết	Thảo luận, Bài Tập, TH	Tự học	
21	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	30	30	90	
22	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	30	30	90	
23	Kinh tế lượng	3	30	30	90	
24	Kinh tế vi mô II	3	30	30	90	
25	Kinh tế vĩ mô II	3	30	30	90	
26	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	30	30	90	
<b>7.2.2</b>	<b>Khởi kiến thức ngành</b>	<b>33</b>	<b>330</b>	<b>330</b>	<b>990</b>	
7.2.2.1	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	27	270	270	810	
27	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	3	30	30	90	
28	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	30	30	90	
29	Kinh tế quốc tế	3	30	30	90	
30	Kinh tế phát triển	3	30	30	90	
31	Kinh tế các ngành	3	30	30	90	
32	Kinh tế môi trường	3	30	30	90	
33	Kinh tế công cộng	3	30	30	90	
34	Kinh tế nguồn nhân lực	3	30	30	90	
35	Kinh tế đầu tư	3	30	30	90	
7.2.2.2	<i>Kiến thức tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần sau)</i>	6	60	60	180	
36	Marketing căn bản	3	30	30	90	Chọn 1/2 môn (3 TC)
	Văn hóa tổ chức					
37	Quản trị doanh nghiệp	3	30	30	90	Chọn 1/2 môn (3 TC)
	Quản trị sản xuất					
<b>7.2.3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>9</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>270</b>	
7.2.3.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>	3	30	30	90	
38	Tài chính doanh nghiệp	3	30	30	90	
7.2.3.2	<i>Kiến thức tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần sau)</i>	6	60	60	180	
39	Thị trường chứng khoán	3	30	30	90	Chọn 1/2 môn (3 TC)
	Thuế Nhà nước					
40	Kế toán tài chính	3	30	30	90	Chọn 1/2 môn (3 TC)
	Quản trị dự án đầu tư					
<b>7.2.4</b>	<b>Thực tập Tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>225</b>	<b>225</b>	<b>400</b>	
<b>TỔNG</b>		<b>126</b>	<b>1335</b>	<b>1455</b>	<b>3940</b>	

## 8. Kế hoạch giảng dạy các kỳ trong toàn khóa

TT	Tên học phần	Số TC	Học Kỳ								Ghi chú	
			1	2	3	4	5	6	7	8		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2									
2	Tiếng Anh 1	3	3									
3	Pháp luật đại cương	2	2									
4	Soạn thảo văn bản	2	2									
5	Toán cao cấp	3	3									
<del>X</del>	Giáo dục thể chất	3	3									
<del>X</del>	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	4	4								
6	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3		3								
7	Tiếng Anh 2	4		4								
8	Toán kinh tế	3		3								
9	Quản lý học đại cương	3		3								
10	Nguyên lý kế toán	3		3								
11	Tiếng Anh chuyên ngành	4			4							
12	Tin học đại cương	3			3							
13	Lý thuyết xác suất và thống kê	3			3							
14	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2			2							
15	Kinh tế Vi mô 1	3			3							
16	Lý thuyết thống kê kinh tế	3			3							
17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2						
18	Kinh tế Vĩ mô 1	3				3						
19	Luật kinh tế	2				2						
20	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3				3						
21	Quản trị doanh nghiệp	3				3					Chọn 1/2 môn (3 TC)	
	Quản trị sản xuất											
22	Thị trường chứng khoán	3				3					Chọn 1/2 môn (3 TC)	
	Thuế Nhà nước											
23	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3					3					
24	Marketing căn bản	3					3				Chọn 1/2 môn (3 TC)	
	Văn hóa tổ chức											
25	Kinh tế Vi mô 2	3					3					
26	Kinh tế lượng	3						3				

TT	Tên học phần	Số TC	Học Kỳ								Ghi chú	
			1	2	3	4	5	6	7	8		
27	Kinh tế quốc tế	3					3					
28	Kinh tế Vĩ mô 2	3						3				
29	Kinh tế phát triển	3						3				
30	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3						3				
31	Kinh tế công cộng	3						3				
32	Kinh tế đầu tư	3						3				
33	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3							3			
34	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3							3			
35	Tài chính doanh nghiệp	3							3			
36	Kế toán tài chính	3							3		Chọn 1/2 môn (3 TC)	
	Quản trị dự án											
37	Kinh tế các ngành	3							3			
38	Kinh tế nguồn nhân lực	3							3			
39	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	3								3		
40	Kinh tế môi trường	3								3		
	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>10</b>									10	
<b>TỔNG</b>		<b>137</b>	19	20	18	16	15	15	18	16		

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình này được thiết kế căn cứ theo Thông tư số 08/2011/T-BGDĐT ngày 17/2/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng; Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học; Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.



### **9.1. Giờ quy đổi**

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp  
= 30 giờ thực hành, bài tập, thảo luận
- 1 tiết học lý thuyết = 50 phút

### **9.2. Chương trình khung đào tạo đại học ngành Kinh tế**

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế hệ chính quy ứng với trình độ Đại học do Trường Đại học kinh tế Nghệ An xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế là những quy định của nhà trường về cơ cấu, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho ngành đào tạo Kinh tế ứng với trình độ đào tạo bậc đại học, đó là cơ sở giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại trường Đại học kinh tế Nghệ An.

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế trình độ đại học được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành. Danh mục các học phần và tín chỉ được trình bày tại mục 7 chỉ là quy định tối thiểu. Căn cứ mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định, trong quá trình thực hiện Trường Đại học kinh tế Nghệ An sẽ điều chỉnh, bổ sung các nội dung cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo thiết thực kịp với yêu cầu sử dụng nhân lực.

- Phần kiến thức chuyên ngành Kinh tế được thiết kế theo chuyên ngành hẹp Kinh tế như: Kinh tế học, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển,... Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn 20% kiến thức chung của ngành.

- Phần kiến thức bổ trợ (nếu có): có thể được trường thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được lựa chọn tự do, liên quan tới một hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Kinh tế nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng nhà trường ký quyết định ban hành chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế trình độ Đại học trong phạm vi của trường.

### **10. Dự kiến mức thu học phí**

Học phí thu theo quy định của UBND Tỉnh Nghệ An áp dụng cho các trường công lập.

**HIỆU TRƯỞNG**